

Số: /BC-SCT

Quảng Trị, ngày tháng 11 năm 2021

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI**  
**THÁNG 11 NĂM 2021**

**I. Tình hình sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại**

**1. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp**

**1.1. Chỉ số, giá trị sản xuất công nghiệp:**

Trong tháng 11/2021, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 5,87% so với tháng trước và tăng 11,56% so với tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó: Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 5,82%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước, điều hòa không khí tăng 43,91%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 0,31%. Riêng ngành công nghiệp khai khoáng giảm 1,16% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Tính từ đầu năm 2021, chỉ số sản xuất công nghiệp ước tăng 9,52% so với cùng kỳ năm 2020; Trong đó: Công nghiệp khai khoáng tăng 4,86%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,29%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 21,67%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 1,74% so với cùng kỳ năm trước.

**1.2. Sản phẩm công nghiệp chủ yếu:**

Trong tháng 11/2021, một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu có mức tăng cao so với tháng cùng kỳ năm trước như: Gỗ cưa, gỗ xẻ tăng 48,45%; điện sản xuất tăng 43,15%; sắn xe các loại tăng 35,41%; gạch xây dựng tăng 26,95%; tinh bột sắn tăng 15,0%; tấm lợp pro xi măng tăng 14,94%; điện thương phẩm tăng 14,81%; đá xây dựng tăng 14,05%; lốp xe các loại tăng 12,62%. Một số sản phẩm có mức tăng ổn định như: Quần áo may sẵn tăng 7,59%; phân hóa học tăng 7,55%; dấm gỗ tăng 6,4%; nước hoa quả, cam táo (tăng lực) tăng 3,39%; nước máy tăng 0,38%. Bên cạnh đó, một số sản phẩm giảm như: Bia lon giảm 17,56%; ván ép giảm 8,92%; xi măng giảm 6,25% so với cùng kỳ năm trước.

**2. Lĩnh vực thương mại, dịch vụ**

**2.1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng:**

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 11/2021 ước đạt 2.604,59 tỷ đồng, tăng 2,44% so với tháng trước và giảm 4,53% so với tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó:

Tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 2.365,18 tỷ đồng, tăng 2,42% so với tháng trước và giảm 2,28% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Ngành dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 170,6 tỷ đồng, tăng 2,53%; dịch vụ khác ước đạt 68,81 tỷ đồng, tăng 3,04% so với cùng kỳ năm trước. Riêng hoạt động lễ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch ngưng hoạt động do ảnh hưởng tình hình dịch Covid-19.

Tính chung 11 tháng đầu năm 2021, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 29.787,72 tỷ đồng, tăng 5,66% so với cùng kỳ năm trước, đạt 81,2% so với kế hoạch năm 2021.

## **II. Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực công thương**

- Thực hiện, hoàn thành và kiểm điểm đánh giá các nội dung “Cam kết trách nhiệm của Tập thể lãnh đạo và người đứng đầu Sở Công Thương với Ban Thường vụ Tỉnh ủy” và Chương trình công tác trọng tâm năm 2021 của Ban thường vụ Tỉnh ủy; Báo cáo Kết quả thực hiện Nghị quyết 98/NQ-CP ngày 03/10/của Chính phủ; Báo cáo tình hình các giải pháp, nhiệm vụ hỗ trợ, phục hồi sản xuất tại các khu vực sản xuất công nghiệp, bảo đảm thích ứng, an toàn linh hoạt kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19.

- Đề xuất UBND tỉnh bổ sung quy hoạch cấp điện cho KCN Quảng Trị vào Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050; Bổ sung Dự án Cụm Trung tâm Thương mại – Dịch vụ Nam Đông Hà vào Quy hoạch phát triển thương mại của tỉnh. Tổ chức phân công trách nhiệm chỉ đạo, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của Sở về Kế hoạch cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Quảng Trị (PCI) giai đoạn 2021-2025.

- Trình hỗ trợ kinh phí khuyến công quốc gia năm 2022; Đề xuất thực hiện, điều chỉnh đề án khuyến công hỗ trợ đợt 1 và hỗ trợ kinh phí khuyến công tỉnh đợt 2, năm 2021. Tổ chức kiểm tra về Kỹ thuật an toàn công nghiệp trên địa bàn tỉnh (theo Kế hoạch số 1701/KH-SCT của Sở Công Thương).

- Tăng cường thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo an ninh, an toàn vận hành các Nhà máy điện gió trên địa bàn huyện Hướng Hóa; Hướng dẫn trong công tác quản lý, xử lý vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp của các Nhà máy điện gió. Báo cáo kiểm tra tình hình đầu tư xây dựng Hệ thống điện mặt trời mái nhà trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- Tăng cường thực hiện các quy định về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; Đề xuất thời gian Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về hoạt động điện lực năm 2021; chấp thuận điện trở nổi đất công trình Tiêu dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2018 -2020 - EU tài trợ.

- Trình UBND tỉnh phê duyệt Danh mục Đề án đổi mới phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản năm 2022; Kế hoạch tổ chức điểm trưng bày, giới thiệu các sản phẩm đặc trưng, OCOP của tỉnh năm 2021; Kế hoạch khôi phục chuỗi cung ứng xuất khẩu và đẩy mạnh xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sau Covid-19.

- Chuẩn bị nội dung, tổ chức họp xử lý vụ vận chuyển trái phép hàng hóa qua Cửa khẩu quốc tế La Lay, tỉnh Quảng Trị. Hội nghị tập huấn trực tuyến

chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trong hoạt động thương mại điện tử. Điều chỉnh và thẩm định dự toán Đề án xúc tiến thương mại tỉnh đợt 2 năm 2021.

- Tham mưu xây dựng các báo cáo liên quan công tác pháp chế: Công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2021; Công tác Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2021; Công tác bồi thường nhà nước năm 2021; công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; tình hình, kết quả thực hiện Chỉ số cải thiện chất lượng các quy định của pháp luật.

- Hướng dẫn tổng kết công tác thi đua, khen thưởng năm 2021; Báo cáo kết quả thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở năm 2021; Tổ chức Kiểm tra, sát hạch tuyển dụng viên chức sự nghiệp năm 2021; Thành lập Tổ kiểm tra và Ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác bảo vệ bí mật nhà nước của Sở Công Thương năm 2021; Lắng ý kiến tham gia đối với dự thảo và ban hành Quyết định về Quy chế làm việc của Sở Công Thương; Đề xuất các giải pháp duy trì và nâng cao chỉ số cải cách hành chính; Tổ chức Đoàn kiểm tra công tác cải cách hành chính và Nhóm đánh giá chất lượng nội bộ của Sở năm 2021. Báo cáo đánh giá, tự chấm điểm trên phần mềm hỗ trợ cải cách hành chính của tỉnh. Triển khai công tác kiểm điểm đánh giá, xếp loại công chức, viên chức năm 2021 theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

### **III. Một số công tác trọng tâm tháng 12 năm 2021**

- Tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội các tháng cuối năm 2021 theo Nghị quyết số 75/NQ-CP ngày 14/7/2021 của Chính phủ, Kết luận số 141-KL/TU ngày 14/7/2021 của Tỉnh ủy và Nghị quyết số 90/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND; Kế hoạch cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh năm 2021; Xây dựng Kế hoạch thực hiện Quyết định số 2142/QĐ-UBND ngày 16/8/2021 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Quảng Trị (PCI) giai đoạn 2021-2025; Thực hiện các nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao trên Hệ thống phần mềm theo dõi nhiệm vụ của tỉnh. Tiếp tục phối hợp báo cáo tình hình phát triển công nghiệp và cung cấp thông tin tài liệu phục vụ lập quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Tiếp tục triển khai Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình hành động số 07-CTHĐ/TU ngày 08/01/2021 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII nhiệm kỳ 2020-2025, định hướng đến 2030. Tiếp tục thực hiện, hoàn thành chương trình khuyến công tỉnh và quốc gia trên địa bàn tỉnh năm 2021. Tiếp tục tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 25/9/2018 về quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn và triển khai thực hiện.

- Tiếp tục hỗ trợ thực hiện, hoàn thành các dự án năng lượng trọng điểm trọng năm 2021; Hỗ trợ tiến độ xây dựng các dự án năng lượng tái tạo đã khởi công. Tiếp tục triển khai thực hiện đầu tư các dự án sau khi được phê duyệt bổ sung quy hoạch. Tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật về hoạt động điện

lực tại Điện lực Đông Hà, Điện lực Hải Lăng và Điện lực Đakrông thuộc Công ty Điện lực Quảng Trị.

- Tham mưu ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch cao điểm chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả dịp trước, trong và sau Tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022. Tham mưu sửa đổi, bổ sung Quy định về quy trình chuyển đổi mô hình quản lý và kinh doanh khai thác chợ trên địa bàn tỉnh.

Tham mưu ban hành Chiến lược phát triển thương mại đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 tỉnh Quảng Trị theo Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 13/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Tổ chức thực hiện Kế hoạch số 1859/KH-SCT ngày 15/11/2021 xây dựng các điểm giới thiệu, bán sản phẩm OCOP và thực hiện các hoạt động hỗ trợ, kết nối thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm OCOP của tỉnh.

- Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính tạo môi trường thuận lợi để phát triển sản xuất, kinh doanh thúc đẩy khởi nghiệp; Tiếp tục rà soát, đánh giá, đề xuất phương án đơn giản hóa, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực đầu tư, kinh doanh, tiếp cận điện năng. Phối hợp chặt chẽ với các sở ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghiệp, thương mại trên địa bàn; Tiếp tục chấn chỉnh kỷ luật kỷ cương, văn hóa công sở để phục vụ doanh nghiệp ngày một tốt hơn.

- Tổ chức đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức và công tác thi đua khen thưởng năm 2021; Xây dựng Chương trình công tác trọng tâm năm 2022 của Sở; Đôn đốc triển khai thực hiện các nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao trên Hệ thống phần mềm theo dõi nhiệm vụ của tỉnh; Giải trình và cung cấp tài liệu kiểm chứng phục vụ Báo cáo chấm điểm mức độ hoàn thành nhiệm vụ và chỉ số cải cách hành chính của Sở năm 2021.

- Tổ chức rà soát nhiệm vụ, báo cáo phục vụ Hội nghị ngành Công Thương năm 2021; Chuẩn bị nội dung tổ chức tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2021 của Sở và các Ban chỉ đạo do Sở làm cơ quan thường trực. Đánh giá kiểm điểm tình hình, kết quả thực hiện Chương trình công tác trọng tâm năm 2021 và đề xuất Chương trình công tác trọng tâm năm 2022 của UBND tỉnh.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình công nghiệp - thương mại, công tác quản lý nhà nước của Sở trong tháng 11 năm 2021 và một số nhiệm vụ trọng tâm trong tháng 12 năm 2021; Sở Công Thương Quảng Trị báo cáo Bộ Công Thương, UBND tỉnh, các Sở, ban ngành liên quan./.

***Nơi nhận:***

- PCTTT UBND tỉnh Hà Sỹ Đồng (b/c);
- Văn phòng Bộ Công Thương;
- Cục CTĐP, Vụ KH-BCT;
- VP Tỉnh uỷ; VP HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh (2b);
- Sở KH & ĐT; Cục Thống kê Quảng Trị;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các Phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Hữu Hưng**



Đơn vị b/c: Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị  
 Đơn vị nhận b/c: - UBND tỉnh Quảng Trị;  
 - Vụ Kế hoạch (BCT)

Biểu số 01/SCT-BCT  
 Ngày nhận b/c: Ngày 22 hàng tháng

**BÁO CÁO THỐNG KÊ CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI**  
**Tháng 11 và 11 tháng năm 2021**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện tháng cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
<b>I</b>	<b>Sản lượng một số SP công nghiệp chủ yếu</b>	<b>Sản phẩm</b>								
1	Quặng inmenit và tinh quặng inmenit	Tấn	787	915	9738	969	9412	116.28%	94.37%	103.46%
2	Quặng zircon và tinh quặng zircon	Tấn	595	638	6325	782	6579	107.07%	81.57%	96.14%
3	Đá xây dựng		70473	75378	907055	66094	782365	106.96%	114.05%	115.94%
4	Tinh bột sắn	Tấn	7586	9061	63471	7879	59952	119.44%	115.00%	105.87%
5	Bia lon	1000 lít	834	1000	10703	1213	9352	119.90%	82.44%	114.45%
6	Nước hoa quả, tăng lực	1000 lít	904	1159	10986	1121	10176	128.21%	103.39%	107.96%
7	Bộ com-lê, quần áo	1000 cái	1824	1776	19932	1651	18886	97.40%	107.59%	105.54%
8	Gỗ cưa, gỗ xẻ	M3	6433	6231	62623	4197	52041	96.86%	148.45%	120.33%
9	Dăm gỗ	Tấn	41459	34514	335753	32437	339096	83.25%	106.40%	99.01%
10	Ván ép	M3	18748	19500	234180	21409	166106	104.01%	91.08%	140.98%
11	Dầu thông		129	130	1441	100	901	100.78%	130.00%	159.93%
12	Colophan và axit nhựa cây	Tấn	520	525	5387	502	4600	100.96%	104.58%	117.11%

13	Phân hoá học (NPK)	Tấn	6232	6300	57205	5858	55563	101.09%	107.55%	102.96%
14	Lốp xe các loại	1000 cái	351	348	3173	309	2914	99.15%	112.62%	108.89%
15	Săm xe các loại	1000 cái	601	608	5215	449	4605	101.16%	135.41%	113.25%
16	Gạch xây		12870	13137	146878	10348	129596	102.07%	126.95%	113.34%
17	Xi măng	Tấn	16603	21500	254681	22934	244528	129.49%	93.75%	104.15%
18	Tấm lợp pro xi măng	1000 m <sup>2</sup>	587	545	5144	474	4730	92.86%	114.94%	108.77%
19	Điện sản xuất	Triệu KWh	90	114	970	80	755	127.13%	143.15%	128.40%
20	Điện thương phẩm	Triệu KWh	64	62	677	54	669	96.88%	114.81%	101.17%
21	Nước máy	1000 m <sup>3</sup>	1343	1320	13421	1315	13089	98.29%	100.38%	102.53%
<b>II</b>	<b>Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu hoạt động dịch vụ</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>2542.48</b>	<b>2604.59</b>	<b>29787.72</b>	<b>2728.14</b>	<b>28192.20</b>	<b>102.44%</b>	<b>95.47%</b>	<b>105.66%</b>
<b>1</b>	<b>Doanh thu bán lẻ hàng hóa</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>2309.31</b>	<b>2365.18</b>	<b>26424.93</b>	<b>2420.37</b>	<b>24952.72</b>	<b>102.42%</b>	<b>97.72%</b>	<b>105.90%</b>
<b>2</b>	<b>Tổng doanh thu hoạt động dịch vụ</b>		<b>233.17</b>	<b>239.41</b>	<b>3362.80</b>	<b>307.77</b>	<b>3239.49</b>	<b>102.68%</b>	<b>77.79%</b>	<b>103.81%</b>
<b>2.1</b>	<b>Doanh thu hoạt động dịch vụ (Lưu trú, ăn uống, lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch)</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>166.39</b>	<b>170.60</b>	<b>2387.93</b>	<b>218.71</b>	<b>2317.19</b>	<b>102.53%</b>	<b>78.00%</b>	<b>103.05%</b>
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		166.39	170.60	2386.41	218.71	2311.07	102.53%	78.00%	103.26%
	Dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch	"	0.00	0.00	1.52	0.00	6.12	0.00%	0.00%	24.79%
<b>2.2</b>	<b>Doanh thu hoạt động dịch vụ khác</b>	"	<b>66.78</b>	<b>68.81</b>	<b>974.87</b>	<b>89.05</b>	<b>922.30</b>	<b>103.04%</b>	<b>77.27%</b>	<b>105.70%</b>

**SỞ CÔNG THƯƠNG**

Biểu 02/SCT

**CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP**

**Tháng 11 và 11 tháng năm 2021**

Đơn vị: %

Tên ngành	Chính thức tháng 10/2021		Dự ước tháng 11/2021			Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 11/2021 so với tháng 11/2020
	So với tháng bình quân năm 2015	So với tháng cùng kỳ năm trước	So với tháng bình quân năm 2015	So với tháng trước	So với tháng cùng kỳ năm trước	
<b>A</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>
<b>Toàn ngành</b>	<b>171.29</b>	<b>112.94</b>	<b>181.35</b>	<b>105.87</b>	<b>111.56</b>	<b>109.52</b>
1. Công nghiệp khai khoáng	93.32	102.17	102.88	110.24	98.84	104.86
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	174.91	109.45	180.34	103.10	105.82	107.29
3. Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	218.68	134.65	253.61	115.97	143.91	121.67
4. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	109.72	101.39	105.95	96.57	100.31	101.74



